



Niềm tin, khủng hoảng tài chính và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam

GS.TS. TRẦN NGỌC THƠ

Khủng hoảng tài chính toàn cầu để lại những hậu quả nghiêm trọng trong dài hạn và đã làm thay đổi sâu sắc những quan niệm phổ biến trước đây của các nhà kinh tế và chính phủ các nước trong việc thiết lập các quy tắc, luật lệ và chính sách trong tương lai. Niềm tin hệ thống, tức là niềm tin vào chính phủ, quốc hội, hệ thống tài chính mà ngân hàng là trung tâm, và phương thức sản xuất, là điều tối quan trọng trong quyết sách của các nước nếu như không muốn lặp lại một cuộc khủng hoảng tương tự trong tương lai. VN dù không rơi vào tâm bão khủng hoảng kinh tế toàn cầu, song các chính sách, luật lệ cũng cần phải lấy niềm tin hệ thống làm đích đến để hướng đến một nền kinh tế tăng trưởng bền vững và nhân bản hơn.

Từ khóa: niềm tin hệ thống (systemic trust), tính bất định chiến lược (strategic uncertainty), tính bất định cấu trúc (structural uncertainty).

Dẫn nhập

Trong tác phẩm *Trust and Economic Growth: A Panel Analysis*, Felix Roth (2006) đưa ra định nghĩa tổng quát về niềm tin. Theo đó, niềm tin là sự sẵn lòng chấp nhận, cho phép những quyết định của người khác ảnh hưởng đến lợi ích của người đó và mức độ niềm tin nhiều hay ít sẽ xác định mức độ mà một người nào đó sẵn lòng cung cấp tín dụng cho người khác.

Một số nhà khoa học xã hội như Putnam, Levi, Newton và Luhmann cho rằng khái niệm niềm tin tồn tại dưới 3 dạng: (1) niềm tin gắn kết; (2) niềm tin giữa các cá nhân với nhau; và (3) niềm tin hệ

thống. Niềm tin gắn kết tồn tại chủ yếu trong một cộng đồng hoặc gia đình. Trong khi đó, niềm tin giữa cá nhân với cá nhân là loại niềm tin được hình thành bởi những mối quan hệ trong xã hội hiện đại, những mối quan hệ này dựa trên những giao dịch hàng ngày giữa những người không nhất thiết phải biết rõ nhau. Còn niềm tin hệ thống (Systemic Trust) hàm ý đến niềm tin của công chúng đối với chính phủ, quốc hội, các định chế tài chính và cao hơn nữa là niềm tin vào phương thức sản xuất. Mặc dù khái niệm niềm tin đã được các nhà xã hội học nghiên cứu từ lâu nhưng các nhà kinh tế học như Guiso (2004), Roth (2009), Kartik Anand, Prasanna Gai, Matteo Marsili, (2009) cũng chỉ mới bắt đầu nghiên cứu thời gian gần đây, nhất là kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.



1. Niềm tin và tăng trưởng kinh tế

Nếu hệ thống sản xuất diễm phúc nhận được niềm tin đúng mức, quá trình sản xuất vận hành êm ái nhưng nếu niềm tin giảm sút có thể dẫn đến những hậu quả khôn lường. Nhiều nhà kinh tế vì vậy kết luận rằng trong nền kinh tế thị trường tự do, niềm tin là một yếu tố đầu vào thiết yếu của quá trình sản xuất. Không có niềm tin đầy đủ, nền kinh tế thị trường tự do không thể hoạt động được, hay ít nhất không hiệu quả. Niềm tin hoạt động như một chất bôi trơn tạo điều kiện cho sản xuất tiến hành dễ dàng và giảm đến mức tối thiểu chi phí giao dịch.

Đây là điều mà Kartik Anand, Prasanna Gai, Matteo Marsili (2009) đề cập đến trong thuật ngữ tính bất định chiến lược (strategic uncertainty) và tính bất định cấu trúc (structural uncertainty).

Trước hết nói về tính bất định, khác với khái niệm rủi ro, là những sự kiện mà chúng ta có thể tính ra hoặc dự đoán được xác suất của một sự kiện với một độ tin cậy nào đó, thì tính bất định hàm ý con người ta không thể tính toán được xác suất một sự kiện nào đó có thể xảy ra. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu cho thấy một khi tính thanh khoản trong hệ thống ngân hàng bị tắt nghẽn thì có 2 vấn đề liên quan đến niềm tin có tác động rất mạnh đến tăng trưởng kinh tế.

Thứ nhất là tính bất định cấu trúc trong hệ thống ngân hàng. Tính bất định cấu trúc hàm ý đến hậu quả của nợ xấu và những tài sản độc hại trong hệ thống ngân hàng tác động lan tỏa đến nền kinh tế ở mức độ nào rất khó để đánh giá.

Nhưng điều thứ hai là tính bất định chiến lược còn tệ hại và nguy hiểm hơn nhiều so với tính bất định cấu trúc của hệ thống ngân hàng. Điều này hàm ý đến những phản ứng mang tính hành vi của thị trường. Mà hành vi thì rất khó để nhận biết và chỉnh sửa. Chẳng hạn phản ứng thái quá khi mọi người cùng nhau rút tiền khỏi ngân hàng một khi họ đã mất niềm tin. Cho dù gần đây kinh tế Mỹ có dấu hiệu cải thiện nhưng người dân vẫn đem tiền tích trữ hoặc chuyển vào các kênh đầu tư khác như vàng và hàng hóa. Hành vi này, tức tính bất định chiến lược, có thể tàn phá cả hệ thống tài chính, cho dù vị thế tài chính (tính bất định cấu trúc) của các ngân hàng vẫn chưa đến mức nào. Một khi niềm tin vào hệ thống tài chính chưa được khôi phục thì khó thể nói đến tăng trưởng kinh tế ổn định được.

Niềm tin hệ thống rất quan trọng đối với sự ổn định của một

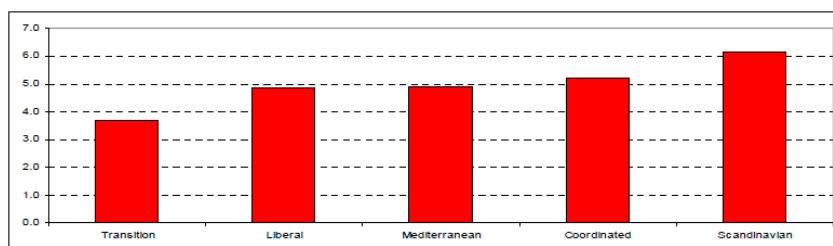
niềm tin vào thể chế chính trị làm mọi người chấp hành luật thuế tốt hơn.

2. Niềm tin vào phương thức sản xuất

Trong nền kinh tế thị trường, nhiều nghiên cứu về niềm tin hệ thống cho thấy cách thức mà công chúng luôn tìm cách phản ứng để tiến tới một phương thức sản xuất sao cho chính sách phân phối công bằng hơn. Nếu công chúng xét thấy phương thức sản xuất là không công bằng và thiên vị, họ sẽ gây áp lực lên chính phủ về các biện pháp trong chính sách phân phối lại và yêu cầu chính phủ can thiệp nhiều hơn.

Những khảo sát gần đây trong khối EU mạnh mẽ cho thấy những phản ứng như thế. Hình 1 cho thấy chỉ số niềm tin ở các nền kinh tế thị trường tự do chỉ cao hơn các nền kinh tế đang chuyển đổi chút ít và thấp hơn so với các nước Bắc Âu và các nền kinh tế theo kiểu kết hợp linh

Hình 1: Mức độ tin cậy theo phương thức sản xuất trong khối EU27



Nguồn: European Social Survey 2002-2006

chính phủ do dân và vì dân. Công chúng ngày càng tuân thủ luật pháp nếu họ nhận biết rằng: (1) chính phủ là đáng tin cậy và (2) những công dân khác cũng hợp tác lẫn nhau. Nhiều nhà kinh tế còn tìm ra bằng chứng cho thấy

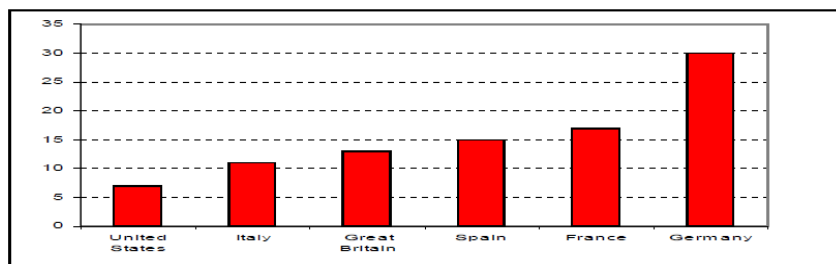
hoạt nhiều phương thức sản xuất khác nhau.

3. Khủng hoảng kinh tế là sự thất bại của chủ nghĩa tư bản?

Hình 2 cho thấy các kết quả một cuộc thăm dò của Harris (2008) để tìm hiểu thái độ người dân đối với phương thức sản xuất, trong đó



Hình 2: Thất bại của chính chủ nghĩa tư bản



Nguồn: FT-Harris Poll (2008)

người dân đã được hỏi liệu cuộc khủng hoảng tài chính có phải là “sự lạm dụng của chủ nghĩa tư bản” hay nên xem như là một “sự thất bại của chính chủ nghĩa tư bản”.

Trong tháng 10 năm 2008, lúc mà hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính khá nghiêm trọng, 30% tổng số dân Đức đã trả lời rằng cuộc khủng hoảng tài chính là dấu hiệu của một “sự thất bại của chính chủ nghĩa tư bản”.

Tỷ lệ phản ứng này gần gấp đôi phản ứng ở Pháp và gấp bốn lần phản ứng ở Mỹ, nơi mà chỉ có 7% người dân tin rằng cuộc khủng hoảng tài chính là một sự thất bại của chủ nghĩa tư bản.

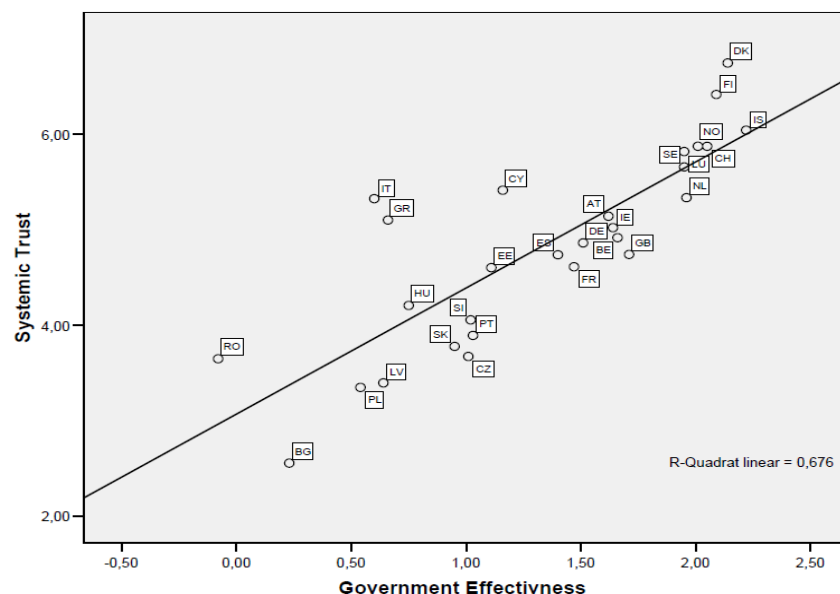
Dù vậy kết quả này chưa được nhiều nhà kinh tế xem là bằng chứng đủ thuyết phục chủ nghĩa tư bản đã hết thời. Diễn biến này chỉ mới bước đầu nói lên khuynh hướng chống chủ nghĩa tư bản mạnh mẽ ở Đức và một số khu vực trên thế giới.

4. Niềm tin hệ thống vào hiệu năng của chính phủ và hệ thống ngân hàng

Gần đây nói đến niềm tin hệ thống phần nhiều các nhà kinh tế bàn đến niềm tin vào chính phủ, tập đoàn, và hệ thống tài chính mà ngân hàng là đối tượng trung tâm (ngoài ra các nghiên cứu về niềm tin hệ thống còn đề cập đến vai trò của quốc hội). Phân tích niềm tin

hệ thống vào hiệu năng của chính phủ và hệ thống ngân hàng ở một số nước trên thế giới sẽ giúp cho những nhà hoạch định chính sách VN nhận diện đâu là những trọng tâm chính trong quá trình cải cách sắp đến.

4.1 Niềm tin hệ thống và hiệu năng quản lý của chính phủ và các tập đoàn



Nguồn: Felix Roth (2009)

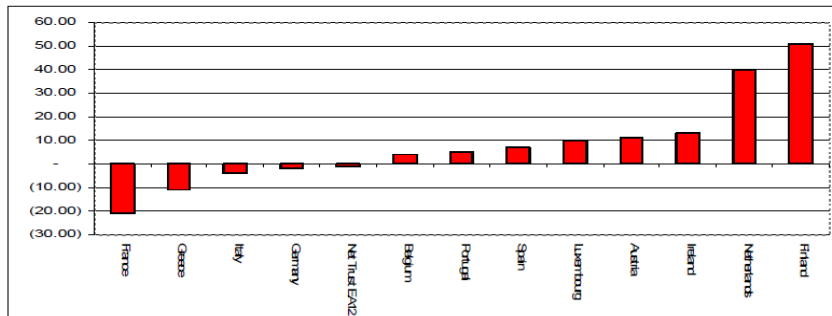
Hiệu năng quản lý của chính phủ là nội dung khá quan trọng khi nghiên cứu về niềm tin hệ thống. Hình 3 cho thấy biểu đồ phân tán giữa hiệu năng quản lý của chính phủ [1] và niềm tin hệ thống các nước EU. Có mối liên hệ trực tiếp và rất mạnh giữa hiệu năng quản lý của chính phủ ở một quốc gia với chỉ số niềm tin.

Nói đến chính phủ là nói đến có hay không sự song hành của chính phủ với những ưu ái đối với các tập đoàn lớn. Nhiều nhà kinh tế giờ đây đã bắt đầu nghiên cứu niềm tin hệ thống vào chính phủ và tập đoàn. Cuộc khủng hoảng nợ Ireland mới đây cho thấy chính việc chính phủ nước này đồng ý bảo lãnh nợ cho các đại gia ngân hàng vào năm 2008 đã làm cho người dân mất hết niềm tin vào chính phủ và làm cho khủng hoảng nợ trở nên trầm trọng hơn. Quan trọng là các nhà đầu tư không còn niềm tin vào chính sách tài khóa trong tương lai của chính phủ nữa. Muốn vay nợ để vực dậy nền kinh tế, chính phủ chỉ còn cách cầu viện từ các định chế tài chính quốc tế như IMF.

4.2 Niềm tin hệ thống và NHTW

Khủng hoảng tài chính toàn cầu phần lớn do những thất bại nghiêm trọng trong lĩnh vực ngân hàng. Hình 4 cho thấy niềm tin 12 quốc gia EU trong giai đoạn diễn ra khủng hoảng tài chính vào tháng 1 và 2 năm 2009 đã bị giảm sút nghiêm trọng. Có đến 2/3 dân Pháp

Hình 4: Niềm tin thuần đối ECB trong giai đoạn diễn ra khủng hoảng tài chính

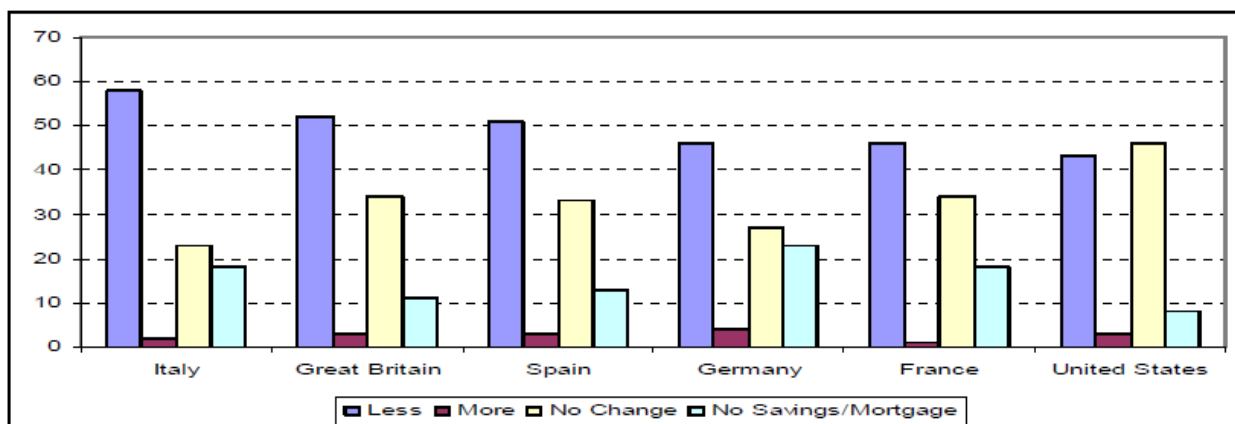


Nguồn: Tính toán của Felix Roth dựa trên Eurobarometer: Special EB71.1

Bảng 1: Trả lời cho câu hỏi: “Những hành động của NHTW có phù hợp với thách thức của suy thoái kinh tế?”

July 2009	Great Britain (BoE)	Europe (ECB)	United States (Fed)
Yes	28	19	23
No	34	43	41
Not sure	38	38	36
Net balance	-6	-23	-18

Hình 5: An toàn tài khoản ngân hàng và các khoản thế chấp



Nguồn: Tính toán của Felix Roth dựa trên FT-Harris Poll (2008)

hoài nghi NHTW châu Âu (ECB) vào đầu năm 2009. Tình hình cũng tương tự tại Ý và Đức, có nhiều người nghi ngờ ECB hơn là thực sự tin tưởng vào tổ chức này.

Khảo sát thêm nhiều quốc gia khác xem NHTW các nước đã có những chính sách phù hợp với khủng hoảng hay không, Felix Roth (2009) đã có bảng khảo sát, và

phần lớn người dân trả lời “không” (Bảng 1). Niềm tin của người dân đối với các khoản tiền gửi của mình tại các ngân hàng cũng giảm sút đáng kể (Hình 5).

Như vậy ở hầu hết những nền kinh tế phát triển, nơi mà các luật lệ liên quan đến tài chính ngân hàng khá chặt chẽ, người dân cũng đã giảm sút niềm tin rất

nhiều vào NHTW và sự ổn định của ngân hàng thương mại.

Điều này phần nào gợi lên cho những nhà hoạch định chính sách VN về chính sách tài chính tiền tệ trong thời gian sắp đến. Theo đó, nói đến chính sách tài chính tiền tệ sắp đến là nói đến trọng tâm của chiến lược hướng tới xây dựng một NHTW độc lập tương đối và hệ thống ngân hàng thương mại hoạt động an toàn. Đây nên là hướng đi chủ đạo và cần phải thực thi quyết liệt để thiết lập niềm tin người dân vào tính ổn định của nền tài chính quốc gia.

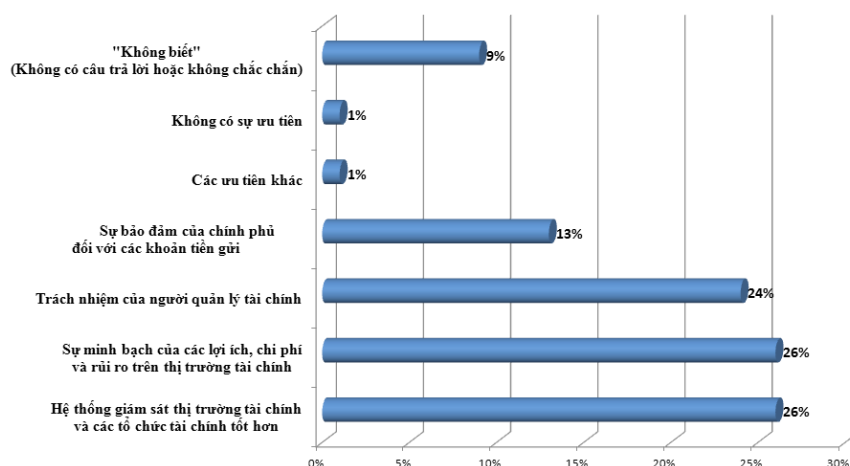
5. Những chính sách hướng đến niềm tin hậu khủng hoảng kinh tế

Để ngăn ngừa tái phát một cuộc khủng hoảng trong tương lai và hướng đến một sự phát triển cân bằng hơn, một số phản ứng chính sách hướng đến xây dựng niềm tin ở các nước sẽ là bài học quý giá cho VN tham khảo.

5.1 Giám sát thị trường tài chính và minh bạch là ưu tiên hàng đầu

Trong 14 thành viên EU, khi đặt câu hỏi cho người dân liệu

Hình 6: Ưu tiên đối với cải cách hệ thống tài chính EU



Nguồn: EB72 được thu thập từ cuộc khảo sát ở EU vào mùa thu năm 2009

Bảng 2: Sự tăng lên trong nhu cầu của người dân đối với qui định chặt chẽ hơn các hoạt động kinh doanh

	Anh (%)		Pháp (%)		Ý (%)		Tây Ban Nha (%)		Đức (%)		Hoa Kỳ (%)	
	T10 2008	T2 2009	T10 2008	T2 2009	T10 2008	T2 2009	T10 2008	T2 2009	T10 2008	T2 2009	T10 2008	T2 2009
ỦNG HỘ	59	66	68	72	81	79	61	67	70	75	63	66
Ủng hộ hoàn toàn	22	29	26	34	36	51	21	28	38	36	26	28
Ủng hộ một phần	37	37	42	38	45	28	40	39	33	39	37	38
PHẢN ĐỐI	14	12	14	13	11	9	22	19	20	16	25	21
Phản đối hoàn toàn	10	8	9	8	7	5	15	13	11	10	14	12
Phản đối một phần	4	4	5	6	4	4	7	5	9	7	10	9
"Không biết"	27	22	18	15	7	12	17	15	10	9	12	13

những biện pháp nào cần phải được ưu tiên khi cải cách hệ thống tài chính trong EU (những người được hỏi chỉ được phép có một câu trả lời), đa phần đều đặt ưu tiên cho việc thiết lập hệ thống giám sát tài chính.

Đề xuất này phổ biến nhất ở Hà Lan, Slovenia (đều 45%), Latvia và Thụy Điển (44%). Trật tự ưu tiên là thúc đẩy sự minh bạch của các lợi ích, chi phí và rủi ro trên

thị trường tài chính gồm có: Hy Lạp (39%), Pháp (37%), Estonia (34%), Đan Mạch, Tây Ban Nha và Italy (29%). Ngoài ra những vấn đề khác liên quan đến trách nhiệm của người quản lý liên quan đến tài chính và tiền lương, thưởng cũng được nhiều người dân quan tâm: Hungary (50%), Ireland (38%), Ba Lan (32%) và Anh (31%).

5.2 Qui định chặt chẽ hơn đối với các hoạt động kinh doanh và ngân hàng

Trước đây khi nói đến quản lý chặt chẽ hơn của chính phủ luôn đồng nghĩa với gây ra nhiều tổn thất cho xã hội. Nhưng sau khủng hoảng tài chính toàn cầu, suy nghĩ của mọi người giờ đây đã thay đổi theo hướng những can thiệp nên được thực thi sao cho không còn diễn ra những bất ổn và thậm chí là một cuộc khủng hoảng tương tự. Phần lớn người dân ở 5 quốc gia phát triển nhất ở châu Âu và Mỹ đồng ý ủng hộ quản lý chặt chẽ hơn

Nguồn: Harris Poll (2009)

nữa của chính phủ đối với các hoạt động kinh tế (Bảng 2).

Khi khủng hoảng kinh tế vẫn đang diễn ra, có ít nhất 2/3 công dân ở Mỹ và 5 quốc gia phát triển nhất châu Âu (66%-79%) ủng hộ cho sự quản lý chặt chẽ hơn đối với các hoạt động kinh tế của nước họ để ngăn ngừa khủng hoảng thị trường tài chính toàn cầu trong tương lai. Ở Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Đức

Bảng 3: Sự tăng lên trong nhu cầu của người dân trong việc qui định chặt chẽ hơn đối với các ngân hàng thương mại

	Anh (%)		Pháp (%)		Ý (%)		Tây Ban Nha (%)		Đức (%)		Hoa Kỳ (%)	
	T10 2008	T2 2009	T10 2008	T2 2009	T10 2008	T2 2009	T10 2008	T2 2009	T10 2008	T2 2009	T10 2008	T2 2009
ỦNG HỘ	56	63	56	63	79	74	58	70	67	73	63	65
Ủng hộ hoàn toàn	18	27	20	25	40	48	21	28	32	39	25	28
Ủng hộ một phần	38	36	36	37	39	26	37	42	35	34	38	37
PHẢN ĐỐI	15	13	18	19	8	10	22	16	20	17	22	19
Phản đối một phần	11	10	14	13	6	8	15	12	12	10	15	12
Phản đối hoàn toàn	3	3	4	6	2	2	8	5	9	7	7	7
“Không biết”	29	24	26	18	13	16	20	14	12	10	15	16

Nguồn: Harris Poll (2009)

và Mỹ sự ủng hộ cho việc quản lý chặt chẽ hơn đã tăng lên từ tháng 10/2009 trong khi ở Ý vẫn giữ ở tỷ lệ không đổi.

Đối với hoạt động ngân hàng thì tuyệt đại người dân (trên 2/3) ở các nước Anh, Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha, và Mỹ nhất trí cao các biện pháp can thiệp mạnh hơn nữa của chính phủ đối với các ngân hàng thương mại (Bảng 3).

5.3 Toàn cầu hóa hay chủ nghĩa bảo hộ lên ngôi?

Ghi nhận từ những cuộc thăm dò ý kiến của công ty GlobeScan về thái độ của người dân đối với toàn cầu hóa và những biện pháp bảo hộ được thực hiện vào 14/11/2009, tính trên quy mô toàn cầu sự ủng hộ đối với những biện pháp bảo hộ vẫn còn rất mạnh mẽ. Dù vậy cũng không ít trường hợp những quốc gia thường rao giảng chống chủ nghĩa bảo hộ nhưng lại tiến hành chính bảo hộ trên thực tế.

Đại đa số người dân ở 23 quốc

gia trong mẫu khảo sát thể hiện sự đồng thuận của họ về những biện pháp bảo hộ việc làm và nền công nghiệp quốc gia (chiếm 72%), 63% lấy lý do là hạn chế những công ty quốc gia bị sở hữu bởi công ty nước ngoài. Dựa theo bảng thăm dò của GlobeScan, thái độ mạnh nhất đối với xu hướng bảo hộ mậu dịch thuộc về các nền kinh tế mới nổi như Chile, Ấn Độ, Indonesia, Nigeria, Nga, trong khi tỷ lệ ủng hộ và không ủng hộ chủ nghĩa bảo hộ tương đối cân bằng ở Trung Quốc.

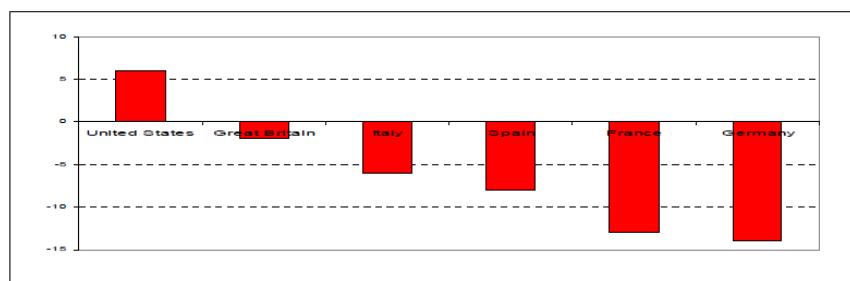
Theo một công bố mới của GlobeScan (2008), lần đầu tiên

Anh, Ý, Tây Ban Nha, Pháp và Đức bỏ phiếu chống lại những phương pháp mang tính chất bảo hộ. Ngược lại, vẫn có phần đông người dân Mỹ tin rằng bảo hộ có thể góp phần giúp đất nước vượt qua khủng hoảng (Hình 7).

5.4 Sự giảm niềm tin dẫn tới người dân yêu cầu chính phủ can thiệp nhiều hơn?

Câu hỏi đặt ra là có phải ở những nơi nào mà niềm tin sụt giảm thì chính phủ nên can thiệp nhiều hơn? Ít nhất điều này cũng đúng trong trường hợp của Đức, một quốc gia theo chủ nghĩa kinh tế thị trường xã

Hình 7: Bảo hộ có thể góp phần kết thúc suy thoái kinh tế?



Nguồn: Tính toán của Felix Roth dựa trên FT-Harris Poll (2009c)



chính phủ cấm các công ty sa thải nhân viên. Chỉ có 42% là chống lại luật cấm đó. Đối với yêu cầu chính phủ liệu có nên cấm hay không đối với những giao dịch đầy rủi ro trên thị trường chứng khoán, có 48% ủng hộ cho điều luật này và chỉ có 25% phản đối. Ở Đông Đức, con số tương ứng là 62% ủng hộ và 13% phản đối. Trong lĩnh vực quản lý giá, có tới 60% dân Đức chọn luật cấm tăng giá và ngược lại có 24% chọn chính sách giá tự do hơn.

Hình 8 cho thấy nhu cầu mạnh mẽ của người dân châu Âu về chính sách can thiệp của chính phủ. Câu hỏi đặt ra cho người dân là: “Bạn hỗ trợ hay chống lại (với mức độ nào) về những chính sách can thiệp ngày càng tăng của chính phủ vào trong hoạt động kinh doanh để ngăn chặn khủng hoảng trong tương lai?” Hãy trả lời theo mức khả năng: Hoàn toàn ủng hộ, ủng hộ một phần, phản đối một phần, hoàn toàn phản đối.

Có thể thấy trong bảng số liệu này, hầu hết người dân hỗ trợ mạnh mẽ đối với sự tăng lên trong qui

6. Một vài hàm ý chính sách cho VN

Những kết quả nghiên cứu về niềm tin hệ thống khá phức tạp, có thể đúng ở nước này song không đúng ở nước khác, có thể đúng ở thời điểm khủng hoảng song lại không đúng sau đó. Song điểm nổi bật toát lên trong các nghiên cứu về niềm tin là chính sách và chuẩn mực ở các nước thời hậu suy thoái kinh tế nên là những quyết sách trực tiếp hướng đến thúc đẩy niềm tin. Luận điểm này rất quan trọng đối với chính phủ các nước và chúng sẽ làm thay đổi hẳn hoặc phần lớn linh hồn của các chính sách.

Một số ý tưởng chính của luận điểm này, theo tôi, nên được hiểu ở VN như sau:

- Chủ trương hình thành một định chế hoặc một tập đoàn “quá lớn để không thể sụp đổ” giờ đã không còn đứng vững. Phải chăng một số tập đoàn kinh tế nhà nước và SCIC (Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước) đang rơi vào tình trạng này?

- Chính sách, chủ trương có thể

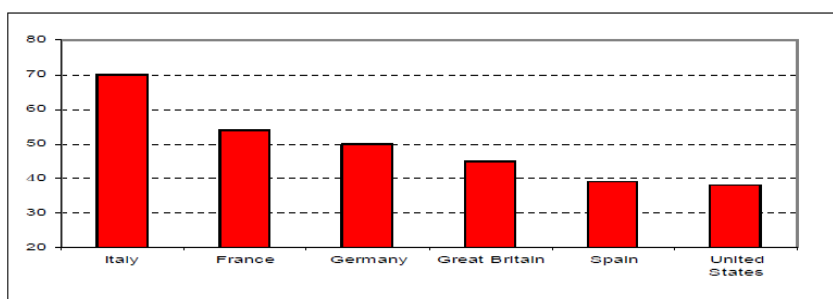
Hay các quyết định tăng tỷ giá trong năm 2010 được một số nhà hoạch định chính sách tài chính tiền tệ cho là có cơ sở vững chắc do đã dựa vào mô hình kinh tế lượng cũng là một trường hợp cần phải cân nhắc. Mô hình là cần thiết song nó dựa vào quá nhiều giả thuyết. Mà giả thuyết thì có khi quá nhiều, có khi chưa đủ hoặc không đúng thực tế. Nhưng quan trọng nhất là không có mô hình kinh tế lượng nào lường hết được yếu tố tâm lý, tức niềm tin. Vì vậy phải kết hợp những con số với nghệ thuật điều hành trong từng thời điểm, tránh máy móc đặt nặng quá nhiều vào các con số mục tiêu.

Đó là chưa kể tính không nhất quán trong phương thức điều hành. Lúc thì nói chính sách phải linh hoạt, phải riêng có của VN, lúc thì nói đã dựa vào mô hình kinh tế lượng, tức theo thông lệ, theo chuẩn mực. Cách nói lúc này lúc nọ nghe có vẻ khoa học và linh hoạt đấy nhưng rốt cuộc người dân không biết điều gì sẽ xảy ra và sắp tới nên đầu tư và kinh doanh như thế nào. Bởi có điều mới đó thì đúng đấy nhưng sau đó thì lại sai. Đó là chưa kể cũng cùng một vấn đề nhưng có nhiều nhận định hoặc khẳng định của nhiều nhà làm chính sách có thẩm quyền khác nhau cũng là cho niềm tin mất phương hướng.

Hậu quả của các chính sách này là gì? Một số quyết định chính sách ở nước ta thường để lại dấu ấn rất rõ về niềm tin bị hao hụt ít nhiều. Chẳng hạn hiệu ứng “lạm phát do tâm lý” do tăng tỷ giá, lãi suất, giá xăng dầu, điện nước... là một ví dụ. Đường như những vấn đề liên quan đến niềm tin hệ thống đã không được những nhà làm chính sách chú ý đúng mức.

Trong phạm vi những gì đã phân tích, tôi có một vài gợi ý và

Hình 8: Sự ủng hộ đối với can thiệp hơn nữa của chính phủ



Nguồn: Tính toán của Felix Roth dựa trên FT-Harris Poll (2009a)

định của chính phủ. Ý là quốc gia dẫn đầu, theo sau là Pháp và Đức. Cuối bảng là Mỹ, một xã hội thị trường tự do truyền thống.

đúng về kinh điển song cần phải đặt lên bàn cân hậu quả của niềm tin sụt giảm.

Lấy ví dụ, lúc nền kinh tế đang suy thoái mà cứ nhất quyết cho rằng chính sách lãi suất phải đảm bảo thực dương là quá máy móc.

đề xuất chính sách như sau:

- Một NHTW độc lập và tính an toàn của cả hệ thống ngân hàng phải là trọng tâm trong các chính sách hướng đến niềm tin.

- Giám sát và minh bạch là điều tối quan trọng chẳng những riêng cho các định chế tài chính ngân hàng mà còn đối với cả khu vực sản xuất kinh doanh.

- Những sản phẩm tài chính cấu trúc phức hợp có tác động lan tỏa rất lớn đến toàn thị trường và làm hủy hoại niềm tin của nhà đầu tư như các CDO, CDS đã được chính phủ các nước hạn chế và tăng cường giám sát. Đối với VN, những công cụ phái sinh mà nhà nước chưa có khả năng nhận biết đầy đủ và quản lý (sàn vàng chẳng hạn) cần phải được giám sát, hạn chế hoặc cấm có thời hạn.

- Mỗi quan hệ giữa niềm tin hệ thống với “hiệu năng quản lý của chính phủ và các tập đoàn kinh tế” cần phải được cải thiện nhiều hơn nữa để tạo sự đồng thuận của người dân trong các chiến lược tăng trưởng sắp đến. Tái cấu trúc kinh tế cũng cần phải tái cấu trúc mối quan hệ này.

- Một số quan điểm cho rằng khủng hoảng kinh tế toàn cầu cũng đồng nghĩa với chủ nghĩa tư bản đã hết thời và do đó chính phủ cần can thiệp mạnh hơn nữa vào nền kinh tế. Kết luận này e rằng có quá sớm. Các nghiên cứu cho thấy chỉ khi nào hoặc khu vực nào mà niềm tin hệ thống bị xói mòn thì chính phủ mới nên tăng cường can thiệp.

- Cho dù gần đây không ít nền kinh tế có xu hướng bảo hộ mậu dịch nhưng nhìn chung xu thế toàn cầu là ủng hộ tự do mậu dịch. Một nền kinh tế nhỏ và mới hội nhập như VN không thể đi theo chủ nghĩa bảo hộ mà một số quốc gia đang tiến hành để đương đầu với

suy thoái kinh tế. Tuy nhiên phải biết nói không với hàng hóa và nhân công [độc] nhập tràn lan. Đây không còn là vấn đề kinh tế mà còn thuộc về niềm tin hệ thống của người dân vào chính phủ đối với những vấn đề hệ trọng liên quan đến tiền đồ dân tộc.

7. Kết luận

Những bất ổn vĩ mô trong năm 2010 và những năm gần đây liên



quan đến tỷ giá, giá vàng, lạm phát, phần nhiều do khủng hoảng niềm tin của thị trường vào khả năng điều hành của chính phủ. Các chính sách hướng đến giải quyết những mất cân đối vĩ mô vì vậy cần phải đặt trọng tâm hướng đến giải quyết những vấn đề thuộc về tính bất định chiến lược mà tôi đã đề cập ở phần đầu của bài báo. Không chú trọng giải quyết những vấn đề liên quan đến tính bất định chiến lược, tức nói về hành vi của nhà đầu tư và của thị trường, rất khó để bàn đến phát triển kinh tế bền vững●

[1] Hiệu quả của Chính phủ được đo bằng cách sử dụng các chỉ số Kaufmann, xem WGI (2009) <http://info.worldbank.org/governance/wgi/index.asp>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Felix Roth, “Who can be trusted after the financial crisis?”, Centre for European Policy Studies (CEPS Working Document 11/2009).

- Felix Roth, “The Effects of the Financial Crisis on Systemic Trust”, Centre for European Policy Studies (CEPS Working Document 7/2009).

- Harris Poll (2009a), “Large Majorities in Five Largest European Countries and the U.S. Support Increased Government Regulation of Business Activities and of Commercial Banks”, Financial Times/February.

- Harris Poll (2009c), “In the United States and Largest European Economies Public Opinion is split on issues Economic Nationalism, Protectionism and Internationalism”, Financial Times/March.

- Kartik Anand, Prasanna Gai, Matteo Marsili, “Financial Crises and Evaporation Trust”, Working Paper 1/2009”.

- Trần Ngọc Thơ, “Chính sách và chuẩn mực hướng đến niềm tin”, tham luận tại hội thảo “Hậu khủng hoảng kinh tế toàn cầu và những giải pháp cho VN” tháng 9/2010, Bộ Kế hoạch & Đầu tư tổ chức.